

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM**  
**KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO**  
**QUYỂN 55**

- Số câu: “Thứ hai là tán thán về người nghe, không lỗi lầm”: Văn nơi bản Số giải gồm hai phần:

Một: Nhận xét tổng quát.

Hai: Giải thích văn.

Nơi phần Một, nêu dẫn Luận tức là phần giải thích về kệ trước. Ở trước, Luận đã cùng nêu rõ về nói, nghe đều không lỗi lầm. Phần trên, Số giải đã biện minh về ý tổng quát cùng người thuyết giảng không lỗi lầm. Cho nên nay chỉ nói về người nghe không lỗi lầm.

**Luận kia viết:** “Lại hiển bày về người nghe, quyết định là đồng pháp nên có sự ưa thích nghe. Lại chỉ dẫn về những phần khác, tâm thanh tịnh. Lại làm rõ đại chúng này đều kham nổi việc nghe pháp. Cho nên kệ viết:

*“Lần lượt cùng chiêm ngưỡng”.*

**Giải thích:** Trên là văn của Luận nói về người nghe. Nay phần Số giải đã dùng kệ để phối hợp, nơi văn có thể nhận thấy. Hai chữ “Đồng pháp” bao quát cả nơi hai kệ, là chúng đồng sinh. Hai chữ “Quyết định” thì chỉ thuộc nơi kệ trước.

“Có sự ưa thích nghe” là chỗ khác của kệ thứ hai đối với “Đồng pháp” ở trên, mà nói “Phần khác” nên là hàng dị sinh. Chúng này đều ưa thích, tức biết chỗ cùng tán thán cả hai. “Đều tức là “Cùng”.

- Số từ câu: “Như có mong muốn...” tiếp xuống: Là cùng tóm kết về hai căn ở trên. Căn cứ nơi dung lượng của vật chứa là không, tức cũng như dấu vết của chân bò chẳng thể dung nạp hết nước biển. Mong muốn căn cứ nơi yêu thích là không, thì như “Hứa Do rửa tai”.

- Số câu: “Hiệt Tuệ tức là căn”: Đây là Số giải thích Luận. “Hiệt” tức là chỉ cho Tuệ. Nay phân riêng làm hai thì Hiệt tức là Trí hiện có. Trí có thể thấu tỏ về Sự. Tuệ soi chiếu về Lý. Cho nên phân ra Giáo, Chứng, hai phần này không tối tăm, nên gọi chung là sáng rõ. Thể của



căn là Tuệ, nên dùng “Hiệt Tuệ” để giải thích Căn.

- Số câu: “Nguyện là nhằm đạt đạo Bồ đề lớn lao nên gọi là dũng mãnh”:

**Kinh nói:** “Dũng mãnh không khiếp nhược”. Luận kinh nói: Danh xưng lớn của Bồ tát”. Nay thuận nơi kinh, “Làm rõ về nguyện đạt Bồ đề lớn lao”, tức là Luận giải thích. Đã gọi là Bồ đề, tức các đức đều trội bật. Đại nguyện là chủ nên nói riêng về điều ấy. Do tiếng Phạm là “Tát đỏa” có nghĩa dũng mãnh, tức dũng mãnh cầu Bồ đề. Cho nên hai kinh về câu nói thì khác, nhưng nguyện cầu Bồ đề thì nghĩa đồng.

- Số câu: “Do bên trong không khiếp nhược”: Tức dùng kinh này để lãnh hội về kinh của Luận. Do Luận giải thích kinh viết: “Là đại danh xưng, nên ba Quyết định trên, nếu theo Biệt tướng mà nói thì hai cái trước là Quyết định của Chứng, một cái sau là Quyết định của A-hàm. Thông thường thì gồm đủ cả hai.

- Số từ câu: “Trong phần tán thán về sự mong muốn nơi kệ sau” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm ba phần:

Một: Phân định tóm lược để giải thích.

Hai: Từ câu “Luận nói” tiếp xuống là nêu ra ý biện giải của Luận

Ba: Từ câu: “Luận Tâm kia không khiếp nhược” tiếp xuống: Là tùy chỗ cần thiết mà lại giải thích.

Trong phần hai, gồm ba:

Một là: Nêu văn của Luận.

Hai là: Từ câu: “Hiện tiền là mong muốn” tiếp xuống: Là giải thích tóm lược về nghĩa Hiện.

Ba là: Từ câu: “Trong đó ý nêu rõ” tiếp xuống: Là nêu ra tổng quát về ý của Luận.

Theo phần “Một là”, tức nêu văn của Luận, chỗ nêu đầu tiên viết: “Quyết định, tức trong có quyết định của A-hàm v.v... Sở dĩ trước nêu về Quyết định, là do kệ trước nói: Quyết định của đồng pháp. Quyết định là căn. Căn có thể thọ nhận pháp, nên gọi là Quyết định. Nay ở đây, ý cho rằng, nói Quyết định, thì Căn và sự mong muốn phải gồm đủ, mới gọi là Quyết định. Chỉ có căn mà không có sự mong muốn thì pháp khí không đủ, nên chẳng phải là Quyết định đúng nghĩa...

Nói “Trong ấy” tức trong người nghe, có quyết định của A-hàm (Giáo). “Chẳng phải là Quyết định của Chứng”: Tức là, như nơi kệ trước chỉ có căn của Giáo, chẳng phải là căn của Chứng, nên cũng chẳng gồm đủ, tức trở lại hiển bày phần trước là có đủ Giáo, Chứng...

- Sở từ câu: “Hiện tiền là mong muốn” tiếp xuống: Là phần hai của phần thứ hai giải thích nghĩa Hiện, chẳng phải là Hiện.

Nói “Căn chỉ là vật dụng u tối”: Tức có người tuy có Trí có thể kham nổi việc nghe pháp, nhưng chưa mong muốn nghe, nên gọi là “Vật dụng u tối”. Vật dụng u tối nên lâu thành. Tiếp nói: “Chỉ có quyết định chẳng phải hiện tiền, không có quyết định hiện tiền” Tức là nói rõ như kệ trước chỉ có căn của giáo chứng, là quyết định không phải hiện tiền mà không có quyết định hiện tiền là sự mong muốn hiện nay, thì pháp khí cũng không đầy đủ. Vì thế kết luận. Pháp khí như thế là không đầy đủ, không thể nghe, tiếp nhận tức trở lại hiển bày phần trước là có căn, nay đây có mong muốn, làm đầy đủ vậy. Hai chữ “Nếu chỉ” là sở thêm vào khiến nghĩa thêm rõ ràng nhưng không trái với ý của Luận.

- Sở từ câu: “Trong đó ý nêu rõ” tiếp xuống: Là phần ba của phần thứ hai nêu tổng quát về ý của Luận. Tức Luận viết: “Thị hiện nơi đại chúng này gồm đủ quyết định, nên có thể nghe, nhận”.

- Sở từ câu: “Tâm kia không khiếp nhược” tiếp xuống: Là phần thứ ba, tùy theo chỗ cần thiết mà lại giải thích. Gồm hai:

Một là: Chính thức giải thích câu ấy.

Hai là: Từ câu: “Tổng quát về hai kệ trước” tiếp xuống: Là cùng tóm kết, ý tán thán, giải thích câu đầu và câu thứ tư.

- Sở câu: “Bốn là sự ô trược của dị tướng”:

**Luận viết:** “Bốn là sự ô trược của dị tướng, là Tâm ganh ghét chỗ hơn, là Tâm phá hoại”.

**Giải thích:** Ganh ghét về chỗ hơn mình là căn cứ nơi người. Phá hoại là dựa theo pháp. Lại cũng chung cho cả hai.

Nay chẳng dựa nơi Luận, gọi là cao ngạo, là nghĩa được diễn rộng nơi dị tướng. Tức Luận Du Già, quyển thứ ba mươi tám viết: “Nghe pháp, do sáu thứ tướng nên xa lìa tạp nhiễm của sự cao ngạo. Do bốn thứ tướng, nên xa lìa tạp nhiễm của sự khinh mạn. Do một thứ tướng nên xa lìa tạp nhiễm của sự khiếp nhược”.

- Nói sáu thứ là:

Một: Nghe hợp thời.

Hai: Nghe với thái độ ân cần, trân trọng.

Ba: Nghe với sự cung kính.

Bốn: Nghe chẳng gây sự tổn hại, phiền lụy.

Năm: Nghe chẳng vì thuận theo.

Sáu: Nghe chẳng nhằm tìm kiếm chỗ thiếu sót, khuyết điểm.

- Nói bốn thứ Tướng là:

Một: Cung kính đối với chánh pháp.

Hai: Cung kính người thuyết giảng.

Ba: Không khinh thường chánh pháp.

Bốn: Không khinh thường người thuyết giảng.

Nói một thứ Tướng tức: Chẳng tự mình khinh miệt.

Lại nữa, do năm thứ tướng nên khi nghe pháp tâm không tán loạn:

Một: Tâm mong cầu tỏ ngộ, thông hiểu.

Hai: Tâm chuyên nhất hết mực.

Ba: Lắng tai dốc nghe để lãnh hội.

Bốn: Phải gạn lọc tâm mình.

Năm: Nhiếp phục hết thủy tâm.

Gồm chung lại thì có hai: Tâm không tạp nhiễm và Nhất tâm nghe pháp không tán loạn. Nay, văn nơi phần Sở giải nêu lên hai thứ ở trước (Tạp nhiễm của cao ngạo và khinh mạn). Chữ “Đẳng” là chỉ cho “Sự khiếp nhược” (tạp nhiễm của sự khiếp nhược) cùng không tán loạn.

Trên trước là dị tướng. “Ganh ghét” đối với chỗ hơn, “Phá hoại”, hai thứ này cần chú trọng nên Luận gốc đã nêu lên.

- Sở câu: “Năm là sự ô trước do công đức chẳng đầy đủ”:

Đoạn này hoàn toàn là văn của Luận. Trong phần nói về nhân, là do thiện căn ít, kém, Tâm không trụ nơi sự vui thích, cho thấy rõ là không có quả hiện bày. Nghĩa là, do Thiện ít, nhiều duyên, lắm bệnh biếng trễ, loạn động, nên ở trong sự thuyết giảng, Tâm không trụ nơi sự an lạc.

- Sở câu: “Sáu là sự ô trước của ngu si”: Ngu là mê lầm về Giáo. “Ám là lầm lạc về Lý”, tức giải thích chữ si ở trên.

- Sở câu: “Phần thứ ba gồm một kệ cùng tán thán hai chúng”:

Gồm ba:

Một: Giải thích tổng quát về kệ.

Hai: Lãnh hội phần Luận giải thích kinh.

Ba: Giải thích riêng về dụ.

- Một: “Cùng thấy là chung”: Chính là phần tổng quát của kệ này, đã cùng tán thán cả hai chúng, tức chỗ chung của cùng thấy đã hiện khắp ở nơi bốn kệ trước. Nhưng Luận chính nói là phần chung của kệ này. Đoạn tiếp sau nêu ra các kệ còn lại đều có chỗ chung, riêng. Tức trong chỗ tán thán hàng dị sanh, không ô trước là chung. Ở trên, trong chỗ tán thán về sự mong muốn, mong muốn được nghe là chung. Thứ nhất, trong chỗ tán dương về Căn, thì quyết định là chung. Nơi chỗ tán

thán về chủ thể thuyết giảng, thì Tịnh giác là chung. Phần riêng thì có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Luận giải thích kinh viết” tiếp xuống: Là phần hai lãnh hội văn kinh. Phần này gồm ba chi tiết:

Một là: Nêu Luận giải thích kinh.

Hai là: Dẫn ra sự giải thích từ xưa.

Ba là: Lãnh hội kinh hiện tại.

Câu: “Niệm chung cả Giáo, Chứng”: Mật được nấu chín như Giáo. Mật đã thành như Chứng. Nay cho Niệm có hai. Nếu ghi nhớ rõ ràng là Niệm, tức là Niệm về Giáo. Nếu Niệm của Vô Niệm tức là Niệm về Chứng. Cho nên Luận Khởi Tín viết: “Nếu nhận biết là không, có nơi chủ thể Niệm, đối tượng được Niệm thì gọi là tùy thuận”, Niệm này là Giáo. “Nếu lìa nơi Niệm thì gọi là được hội nhập”, Niệm này là Chứng.

- Số từ câu: “Tuy nhiên, Niệm của con ong” tiếp xuống: Là phần ba giải thích riêng về dụ. Pháp chỉ như Mật. Mật tức là thức ăn. Cho nên kinh Pháp Hoa có câu:

*“Ăn: Pháp hỷ, Thiên duyệt  
Dứt mọi tướng thực khác  
Giải thoát hợp cam lồ  
Cam lồ như nước uống”.*

Kinh Tịnh danh viết:

*“Cơm ăn: Pháp cam lồ  
Nước uống: Vị giải thoát”.*

Tức cam lồ là thức ăn. Nay cho Mật tương ứng với thức ăn, dùng cam lồ phối hợp với Giải thoát. Cho nên trong kinh Niết-bàn cũng dùng cam lồ để so sánh với Niết-bàn. Niết-bàn tức là Giải thoát.

- Số câu: “Là tướng đối đáp chung”: Văn nơi phần Số giải có hai:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Từ câu: “Nên ý của kệ sau “ tiếp xuống: Là dùng phần văn xuôi ấy để tạo thành văn của kệ sau.

- Số câu: “Dứt trừ sự nghi ngờ, lo phiền ở trước”: Do trước thấy im lặng nên sinh nghi. Nghi ngờ thì tâm lo phiền. Lại nữa, thỉnh cầu chưa thấy thuyết giảng, tâm hãy còn nghi ngờ lo lắng. Cho nên vì đấy mà dứt trừ, khiến tâm được an vui. Câu “Đại trí không sợ hãi” chính thuộc về Kinh gia (nhà kết tập, biên soạn kinh) chọn lấy ý vào thời đó, để tán dương bậc thuyết giảng cho nên, Luận chủ dùng câu này thành kết phần

trước khiến ý vui.

- Sớ câu: “Hai là đối đáp không khiếm nhược”: Luận giải thích nói: “Lìa sự thuyết giảng không chính đáng”. Nếu sợ hãi nơi đại chúng là chẳng kham nổi việc thuyết giảng. Thuận theo Tình mà thuyết là thuyết giảng không chính đáng.

- Sớ câu: “Loại trừ chỗ nghi của nhân gì ở trên để xác định về nghĩa “Có trí” bên trên:

Trên nêu: “do nhân gì, duyên gì mà không thuyết giảng?” Luận giải thích viết: Là nhân nơi bậc thuyết giảng chẳng thể thuyết giảng chẳng? Hay là duyên nơi người nghe chẳng thể kham nổi việc nghe giảng?”.

Nay cho rằng “Khó giảng nói chẳng phải là không thể thuyết giảng” xác định về nghĩa “Có Trí” ở trên” cũng do là khó giảng nói.

Từ câu: “Chẳng phải là chính mình không có Trí” tiếp xuống: Là loại trừ chỗ nghi vấn “Do duyên gì...?” ở trên để so sánh với ở đây. Phần này có thể nhận biết.

- Sớ từ câu: “Nay nói về, chữ Nan ở cuối của kệ đầu “ tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm bốn:

Một: Giải thích chữ Nan.

Hai: Từ câu: “Nan ấy có hai thứ” tiếp xuống: Là giải thích riêng về câu thứ tư. Bốn chữ trên là nêu rõ về tướng của nghĩa Nan.

Ba: Từ câu: “Cái gì là...” tiếp xuống: Là giải thích hai câu đầu, nêu rõ Thể của “Pháp Nan” (khó đạt được).

Bốn: Từ câu: “Giáo, Chứng của phần này” tiếp xuống: Là giải thích câu thứ ba, hiển bày nơi chốn của sự “Nan” kia.

Trong phần ba, nói “Giác ngộ về Trí của Phật, do đó gọi là Phật”:

Nhưng Luận chỉ nói: Căn bản của chư Phật, tức là giác ngộ về Trí của Phật”. Câu “Giác Phật trí này, có người mê chấp cho rằng chữ Phật là âm tiếng Phạm, chữ Giác là tiếng Trung Hoa (Đời Đường). Nếu thuận theo phương Tây phải nói là: “Phật Phật trí”, như thuận theo Trung Hoa phải nói là Giác Giác trí. Nay sao được dùng tiếng đời Đường giải thích tiếng phạm, để làm giải thích nghĩa? Đây có ý sâu xa phải biết: Nghĩa là “Trí của Phật” (Phật Trí) tức Bồ đề, Trung hoa gọi là Giác. Phật đà là người, Trung Hoa là Giác giả. Do người đã đạt được pháp nên gọi là “Giác giả”. Vì thế, nay sớ viết: “Giác ngộ về Trí của Phật nên gọi là Phật”. Nay, Bồ tát thập Địa là người có khả năng giác ngộ, cũng đem Trí của nhân tu hành giác ngộ Trí của Phật, nên vừa là gốc của Phật vừa

là phân ra người và pháp. Hoa, Phạm cùng làm sáng tỏ là cái hay khéo của người dịch. Nay thêm chữ “ư” (ở nơi) để giải thích Luận.

Nơi phần bốn, nói “Khó chỉ rõ, khó thuyết giảng” tức giống với kinh Tịnh Danh nói: “Thuyết pháp là người nói không thuyết giảng, không chỉ rõ”. Sau, căn cứ nơi chỗ “Khó lãnh hội”, tức nơi kinh Tịnh danh: “Người nghe thì không nghe, không đắc”. Tuy nhiên nói “Không” tức một hướng căn cứ việc “Ngăn chặn nói khó thì cùng biện luận cả hai “Ngăn chặn và biểu hiện”. Nếu theo như kinh Lăng già nói thì Tông chung với tự tu hành, thuyết chung chỉ rõ “Chưa ngộ”. Tông tức là Giáo, Thuyết giảng là Chứng, tức hai thứ hoàn toàn khác. Nay nói rõ Giáo chứng căn cứ ở thuyết giảng thì có chỉ rõ, có thuyết giảng: Chỉ nói là khó thôi. Vậy thì, “Chỉ rõ” tức là thuyết giảng, tức là chứng đắc, tướng của thuyết, chứng như thế nào có thể biết? Phá bỏ mọi tuyên bày, luận về Thật, thì Thể chân thật, chỉ là một vi, nói đó là chứng. Cũng như biện giải về nghĩa Đại, thuyết Đại trong phần ba thứ bậc dần dần”. Nếu vì Chân tục tuyên bày khác nhau, nói là thập Địa, thì gọi đó là Giáo. Nay dùng Chứng thâm nhiếp Giáo nên đều khó thuyết giảng.

- Số câu: “Thứ hai là giải thích lý do của việc khó đạt được”: Văn nơi bản Số giải gồm hai:

Một: Biện minh tổng quát về lý do.

Hai: Theo văn để giải thích.

Trong phần Một tức là ý của Luận. Luận viết: “Hành, tức là nhắc lại Hành của Bồ tát ở trước. Sự, tức là nhắc lại Sự của địa nêu trước. “Nghĩa trụ” là nêu ngược, phải nói là “Trụ nghĩa” (Nghĩa của Trụ) nên số viết: “Do trụ nơi nghĩa sâu xa, vi diệu”. Nghĩa sâu xa tức nghĩa nơi Lý vi diệu, lớn lao”.

- Số từ câu: “ Hai câu đầu trong kệ “ tiếp xuống: Là phần hai, theo văn để giải thích.

- Số câu: “Tức là khó đạt được, khó chứng đắc”:

Luận giải thích kinh viết: “khó đạt được!” Luận giải thích: “Khó đạt được tức là khó chứng đắc”. Tức dùng “Chứng đắc” để giải thích “Đạt được”. Nay số dựa theo kinh, Luận nên cùng nhắc lại. Do Luận giải thích kinh có chữ “Nan” cùng chữ “Nan đắc”, còn kinh thì chỉ có một chữ “Nan”, nên cùng nhắc lại cả hai. Luận giải thích về kệ của kinh viết:

*“Vi tế, khó thấy, lià niệ  
 Chẳng phải tâm địa khó đạt  
 Trí cảnh giới Vô lậu*



*Nếu như nghe tức làm lạc*

- Số từ câu: “Khó đạt được có bốn” tiếp xuống: Là giải thích riêng phần này gồm ba:

Một: Giải thích về hai câu đầu, đối chiếu chỗ kém để làm rõ chỗ sâu xa.

Hai: Từ câu: “Đã chẳng phải là cảnh của bốn tâm” tiếp xuống: Là giải thích câu thứ ba.

Ba: Từ câu: “Câu cuối nói” tiếp xuống: Là giải thích câu thứ tư. Trong phần Một, nói “Một, chẳng phải là cảnh giới của văn tuệ”: Có hai nghĩa:

Thứ nhất: Chẳng phải là cảnh giới của đối tượng được nhận biết.

Thứ hai: Chẳng phải là cảnh giới của “Phân tề”.

Trong văn Tuệ không có tướng ấy. Cho nên Luận giải thích về văn Tuệ, viết: “Sự việc thô, chẳng cần tư duy”. Tức là sự việc thô của giáo pháp thì văn Tuệ có thể đạt được.

Hai là Tư Tuệ, tức có thể hiểu, là thấy nơi tâm. Ba là Tu Tuệ của thế gian chưa thể quên sự nhớ nghĩ. Cho nên đều là chẳng phải.

Hỏi: Ba Tuệ đều là thế gian. Vì sao chỉ căn cứ nơi Tu để riêng gọi là thế gian?

Đáp: Có hai nghĩa: Một là, Tu có chân, giả. Chân tu giống nơi chánh chứng nên không chọn làm thế gian. Hai là, Thức, Trí của Báo sinh cũng là Tu Tuệ. Nay dùng làm “Tu Tuệ của thế gian”.

- Số câu: “Bốn, khó đạt được là do vượt qua tâm địa”: Văn nơi phần Số giải gồm bốn:

Một: Dùng Luận để giải thích kinh.

Hai: Từ câu: “Nghĩa là biến dịch” tiếp xuống: Là Số giải thích Luận.

Ba: Từ câu: “Có thể nhận biết về vô thường” tiếp xuống: Là giải thích chữ “Tâm địa” nơi kinh.

Bốn: Từ câu: “Lại, khéo đạt được...” tiếp xuống: Là giải thích lần nữa văn của Luận.

Trong phần hai, nói: “Khéo đạt được Trí Tu đạo”: Sinh ra mà liền có được không nhờ sự tu tập, nên gọi là “Khéo đạt được”. Trường hợp kia do sinh mà đã nhận biết được nên là hơn hết.

Nói “Vô thường v.v...” thì chữ vân vân là chỉ cho không, khổ, vô ngã cùng Thường Lạc Ngã Tịnh. Do từ lâu xưa tu tập nhân Vô lậu nên được báo. Biến dịch gọi là Báo sinh.

Nói “Do chẳng phải là Trí của sự soi chiếu nẻo thật”: Là giải thích

ý “chẳng thể nhận biết”. Phạm là “soi chiếu về nẻo thật” tức tận cùng quên hết Thể của tâm, Thể. Nay, Thức Trí của Báo sinh tuy nhận biết về vô thường v. v... nhưng không khế hợp, nên chẳng thể nhận biết.

- Số từ câu: “Chưa quên Tâm cảnh gọi là Tâm địa”:

Nghĩa “Tâm địa” nói chung có hai:

Một: Căn cứ theo Thể Tánh. Như kinh Phạm Võng nói “Tâm địa của Phật Tỳ-lô-xá-na là pháp môn, nghĩa là Thể của Tâm bao gồm mọi nẻo sinh, thành, trụ, trì. Cũng như kinh Pháp Hoa nói là “Nhất Thiết Trí địa” là nghĩa này. Nay nói “Tâm địa là đối tượng được lựa chọn” tức là “Pháp môn Tâm lượng”. Cho nên kinh Lăng Già viết:

*“Biết hiện lượng tự Tâm  
Phi Tâm lượng của Tâm  
Ta nói là Tâm lượng”.*

Tâm lượng tức là Tâm địa.

- Số câu: “Hai là xuất ly nơi sinh là Vô lậu”: Như Kiến đạo gọi là Ly sanh, là Vô lậu. Nghĩa của “Ly sanh” trước đã nhiều lần giải thích. Như Luận giải thích kinh nói: “Cảnh giới nơi Trí Vô lậu”. Cho nên vì đây mà lãnh hội về Vô lậu. Xuất sanh đều là lia vượt Thể hiện có mà được mang tên. Sinh nơi Trí tuệ Phật là căn cứ theo công năng đối chiếu với phần khác mà xác lập. Nhưng cả hai cùng thành do Vô lậu nên có thể sinh Trí tuệ Phật.

- Số câu: “Tức nơi kinh Thắng Man, trong phần nói về ba thứ Chánh trí, là Ngưỡng suy trí”: Kinh ấy có đoạn: “Thắng Man bạch Phật: Thế nào là ba thứ? Như có thiện nam, thiện nữ, đối với nghĩa pháp hết mực sâu xa, lìa mọi sự hủy báng của chính mình, sinh công đức lớn, hội nhập đạo Đại Thừa. Những gì là ba? Nghĩa là, như có thiện nam thiện nữ tự thành tựu về pháp Trí thâm diệu. Hoặc có thiện nam thiện nữ do thuận theo mà thành tựu Pháp Trí ấy. Hoặc có thiện nam thiện nữ, đối với các pháp sâu xa chẳng tự thông tỏ, nhưng “Ngưỡng suy” về đức Thế Tôn, cho rằng đó chẳng phải là cảnh giới của mình, chỉ là cảnh giới của Phật nhận biết. Đó gọi là các thiện nam thiện nữ “Ngưỡng suy” về trí tuệ của Như Lai. Trừ ba hạng thiện nam thiện nữ ấy, các chúng sinh khác, đối với pháp thâm diệu đã chấp trước, nói quấy, chống trái với chánh pháp, học theo các ngoại đạo, là những hạt giống hư hoại, thì nên dùng sức mạnh của Vương gia, sức mạnh của các bộ chúng Trời, Rồng, Quỷ thần để chế ngự hàng phục”.

- Số từ câu: “Đối tượng được tin tưởng là gì?” tiếp xuống: Là giải thích chữ “Trí tuệ thù thắng” nơi Phật. Gồm bốn phần:

Một: Nêu rõ lý do từ trí của địa đạt được trí của Phật.

Hai: Từ câu: “Trí tuệ Phật có hai” tiếp xuống: Chia ra nghĩa để giải thích riêng.

Ba: Từ câu: “Tức là kinh Pháp Hoa” tiếp xuống: Là chứng minh, xác nhận nghĩa thù thắng.

Bốn: Từ câu: “Ở nơi hai sự thâm diệu ấy” tiếp xuống: Là đối hợp với chủ thể để tóm kết về đối tượng.

- Trong phần hai có bốn đôi nghĩa, cùng thành một nghĩa:

Thứ nhất: Trước là Thật Trí Bồ đề. Sau là Quyền Trí hóa độ chúng sinh.

Thứ hai: Trước là Tự Hành, sau là Lợi Tha.

Thứ ba: Trước là Chứng đạo. Sau là Giáo đạo.

Thứ tư: Trước là Thật Trí xứng hợp với Tánh không có phân lượng. Sau là Quyền Trí tức có sự sai biệt.

Có Ẩn, Hiển nói Quyền là Thật, tức ẩn giấu Thật mà nêu bày Quyền. Nói Quyền là Quyền tức Thật, Quyền đều hiển lộ.

Câu: “Vô biên vô số đủ các thứ loại” là văn của Luận, do nẻo Giác ngộ của Phật là không có biên hạn, nên Phật hóa độ chúng sinh, với các pháp môn được thuyết giảng có vô số sai biệt.

- Sở từ câu: “Tức là kinh Pháp Hoa” tiếp xuống: Là phần ba, chứng minh xác nhận nghĩa thù thắng. Tức phần đầu Phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa viết: “Bấy giờ đức Thế Tôn an nhiên ra khỏi pháp Tam muội, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Trí tuệ của chư Phật là sâu xa vô lượng, môn trí tuệ ấy thật khó hiểu, khó hội nhập”. Luận giải thích viết: “Trí tuệ của chư Phật tức là chỗ thâm diệu hết mực của sự chứng đắc. Môn trí tuệ ấy tức là chỗ thâm diệu tột bậc của giáo pháp. Hai câu này tức là hai nẻo Chứng - Giáo của Phật...”

Kinh ấy tự giải thích Tri kiến của Như Lai là rộng lớn sâu xa, tức Thật Trí. Phương tiện Tri kiến của Như Lai là các pháp Ba-la-mật đều đã trọn vẹn tức là Quyền Trí. Sở dĩ khó hiểu là vì, một là Thể hiện có thì sâu xa; hai là Quyền Thật luôn ẩn, hiển. Cho nên viết: “Chỉ có chư Phật mới có thể nhận biết”. Phần văn sau diễn rộng, nêu: “Chư Phật tùy đối tượng thích hợp mà thuyết pháp, ý nghĩa sâu xa khó lãnh hội”, tức là môn Trí tuệ khó hội nhập. “Chỉ do một “Đại sự nhân duyên” nên xuất hiện nơi thế gian” tức là Trí tuệ hết mực sâu xa.

Xưa chẳng nói ba Thừa là phương tiện nên cửa phương tiện đã đóng. Nay nói ba Thừa là phương tiện, tức cửa phương tiện đã mở. Mở ra thì thấy nẻo Thật. Cho nên kinh ấy có đoạn viết: “Kinh này đã mở

của Phương tiện chỉ rõ Tướng chân thật. Cửa Phương tiện như Hoa của Sen. Tướng chân thật như Sen của Hoa. Hoa này không có thì thôi, đã có thì Hoa, Thật cùng bao hàm. Kinh này chẳng thuyết giảng thì thôi, đã thuyết giảng thì Quyền - Thật cùng biện biệt. Một kinh chính là nhằm thuyết giảng về Trí tuệ của Phật. Cho nên văn kia nêu:

*“Thuyết giảng trí tuệ Phật*

*Chư Phật hiện ở đời”*

Do Trí tuệ của Phật chẳng lìa Giáo - Chứng, Quyền - Thật nên nói hai thứ thâm diệu, tức là để tóm lược, chỉ rõ về tông chỉ của kinh Pháp Hoa. Hai thứ ấy cũng như kinh Tịnh Danh nói:

*“Trí độ: Mẹ Bồ tát*

*Phương tiện chính là cha*

*Đạo sư của muôn loài*

*Đều từ đấy sinh ra”.*

Nên hai nẻo Trí địa thấu triệt hai chỗ sâu xa của biển quả là đối tượng được tin tưởng.

Bốn: Từ câu: “Ở nơi hai chỗ thâm diệu ấy đều có thể tin tưởng” tiếp xuống: Là tóm, kết xác nhận về nghĩa tin tưởng.

- Số câu: “Tâm địa tức là Chân lý của hai không. Sự của đối tượng được nương tựa nghĩa là Tướng của Duy thức”: Là nêu ra nghĩa nơi Thể Tánh.

- Nói “Sự của đối tượng được nương tựa”: Tức nêu rõ chẳng phải là Lý của chủ thể nương tựa. Lý tức là Vô ngã.

- Nói “Tướng của Duy thức”: Tức hiển bày chẳng phải là Tánh của Duy thức. Tánh của Duy thức là Lý của Vô ngã. Lý của hai Vô ngã tức là Thắng nghĩa đế. Duy thức viết: “Thắng nghĩa của các pháp ấy cũng tức là Chân Như, luôn như Tánh ấy, nên tức là Thật Tánh của Duy thức. “Đây là phân ra Tánh, Tướng hai môn chẳng đồng. Tức Tâm địa đó chính là Sự Lý Vô ngã, chẳng phải là khác, chẳng phải là một, nên đấy là đối tượng được tin tưởng.

- Từ câu: “Luận viết” tiếp xuống: Là Luận giải thích về Tâm địa, chung nơi hai loại:

Một: Tức là Thức thứ tám.

Hai: Từ câu: “Lại, tùy theo Tâm” tiếp xuống: Là phần tiếp theo, chung cho bảy Thức cùng cảnh của đối tượng được duyên nơi tám Thức.

Nói “Cảnh giới trong ngoài”: Tức sáu Thức nơi duyên nơi sáu Trần là ngoại cảnh. Thức thứ bảy duyên nơi Thức thứ tám tức là nội

cảnh. Thức thứ tám duyên nơi ba cảnh, Căn, thân, Chủng tử, tức là Nội cảnh, duyên nơi khí thể gian tức là Ngoại cảnh. Lại, Ý thức cũng duyên chung cho trong ngoài. Năm thức cũng có chung nghĩa trong, ngoài, nên viết là “Các Cảnh”. Nhưng đều gọi là Tâm địa là do nghĩa Sinh, Thành, Trụ, Trì. Dựa nơi tám, Sinh nơi bảy, bảy lại huân tập thành tám. Do Tâm biến hiện nơi Cảnh, nhờ Cảnh mà sinh Tâm, nên đều được gọi là Tâm địa.

- Số từ câu: “Ở nơi hai loại này” tiếp xuống: Là tổng tướng thâu tóm gọn thành một câu.

- Số câu: “Nửa trên là Dụ, nửa dưới là Hợp”: Văn nơi bản Số giải có bốn phần:

Một: Phân định tổng quát.

Hai: Từ câu: “Trong đó, ý của dụ” tiếp xuống: Nêu chung về ý chỉ sâu xa của dụ.

Ba: Nêu Luận để giải thích rộng.

Bốn: Giải thích, đối chiếu về thuyết giảng và im lặng.

- Nơi phần hai gồm ba chi tiết:

Một là: Giải thích về Tướng của dụ.

Hai là: Từ câu: “Trong ấy, chủ thể nương tựa” tiếp xuống: Là nêu pháp để kết hợp.

Ba là: Từ câu: “Nhưng dấu gió, nét vẽ trong không” tiếp xuống: Là chính thức hiển bày về ý của dụ.

- Số từ câu: “Luận có ba đoạn” tiếp xuống: Là phần ba, nêu Luận để giải thích rộng. Dẫn đủ văn của Luận, phân định giải thích trọn vẹn, xét kỹ có thể nhận thấy.

Song, trong văn nói: “Hợp với nghĩa “Chẳng phải là có” ở trên” tức do chẳng phải là Tự Tánh. “Hợp với nghĩa “Chẳng trụ” ở trên”: Tức do trên Luận viết: “Do chẳng phải là “Tự Tánh chẳng thể thủ đắc” là chẳng trụ” tức nhận biết chẳng phải là “Tự Tánh chẳng thể thủ đắc”, là âm thanh, tên gọi v.v... Đều từ duyên, không có tánh, nên chẳng thể đạt được. Như dấu gió, nét vẽ kia dựa nơi hư không không có trụ, nên gọi là “Dùng không có Tự Tánh” hợp với “Chẳng trụ” ở trên”

- Số câu: “Nêu ra nguyên do của Vô tánh chẳng trụ”: Nghĩa là, Âm thanh từ duyên sinh nên không có tự tánh. Dựa nơi pháp để gọi tên nên là hư giả. Đại sư Tăng Triệu viết: “Danh không có công dụng để đạt được vật. Vật không có chỗ thật để được gọi tên. Danh không có công dụng để đạt được vật thì chẳng phải là danh. Vật chẳng có chỗ thật phù hợp với danh thì chẳng là vật”. Nếu thật tức là danh thì khi thấy mặt

tức phải biết tên gọi. Còn như danh tức là Thật thì khi gọi lửa tức phải cháy miệng. Cho nên biết danh chỉ là giải bày, thì đâu có Tự Tánh. Tức như dấu gió, nét vẽ cùng hợp với hư không.

- Sở câu: “Nhưng Luận giải thích kinh nói là Trí Phật”: Tức là lãnh hội chỗ đồng, dị của hai kinh (Luận giải thích kinh và kinh hiện đại). Phần này có thể nhận biết.

- Sở câu: “Giả, Thật đã khác nên cùng nêu lên cả hai”: Là nêu ra bốn nguyên do dùng bốn thứ. Tức Thanh là thật. Danh, Cú, văn là giả. Tức thấu gồm chung bốn pháp là nghĩa nơi Thể của Giáo.

- Sở câu: “Lại, Giả, Thật cùng dựa vào nhau”: Là trở lại giải thích nguyên do dùng bốn thứ. Danh v.v... dựa vào Thanh được có ngần, dài nên chúng là chủ thể nương tựa. Nếu không có danh v.v... thì rõ không chẳng có một thanh nào có thể tuyên bày biểu hiện. Cho nên nói không phải là Thể của giáo

- Sở từ câu: “Nếu đem hai dụ dụ cho đối tượng được nêu giảng” tiếp xuống: Là phần bốn, giải thích, đối chiếu về thuyết giảng, im lặng. Tức ở trên, văn của Luận chỉ dùng dấu gió, nét vẽ để dụ cho chủ thể nêu giảng. Chỉ dùng Hư không để dụ cho đối tượng được giảng giải là Trí Phật. Nay, nêu ra ý của luận chỉ là căn cứ nơi đối tượng được giảng giải, tự có hai lớp chủ thể - đối tượng khác nhau. Gồm luôn cả ý của Luận ở trên thì có ba lớp. Phần này gồm hai chi tiết:

- Một: Dùng chủ thể nương tựa căn cứ theo đối tượng được nương tựa, thì ba lớp đều chẳng thể nêu bày:

Thứ nhất: Do sự giảng giải dựa theo tông chỉ.

Thứ hai: Do Tướng căn cứ theo Trí.

Thứ ba: Do Nhân dựa theo Quả.

- Hai: Từ câu: “Nếu dùng Quả theo Nhân” tiếp xuống: Là nêu ra trường hợp dùng đối tượng được nương tựa căn cứ theo chủ thể nương tựa. Tức có ba lớp đều có thể nhờ nơi ngôn ngữ để nêu bày:

Thứ nhất: Do Quả theo Nhân.

Thứ hai: Do Trí theo Tướng.

Thứ ba: Do tông chỉ dựa theo sự giảng giải.

- Đây tức là dấu gió, nét vẽ để dụ nơi ba pháp:

Một là dụ cho Giáo pháp.

Hai là dụ cho Tướng của địa.

Ba là dụ cho Trí của địa.

- Nên biết hư không cũng dụ cho ba pháp:

Một là dụ cho đối tượng được giảng giải.

Hai là dụ cho Trí của địa.

Ba là dụ cho biển của Quả.

Tổng cộng có bốn pháp thành ba lớp chủ thể - đối tượng. Nghịch thuận cùng hưởng về nhau, tức có sáu lớp, có thể tự suy xét.

- Số từ câu: “Nếu dựa theo nghĩa trên” tiếp xuống: Văn nơi Số có ba phần:

Một: Nối tiếp phần trước để dấy khởi ý của kệ sau.

Hai: Từ câu: “Ý cho rằng” tiếp xuống: Nêu ý của kệ để đáp lại.

Ba: Từ câu: “Chỗ chứng đắc ở nơi câu đầu” tiếp xuống: Là giải thích văn.

- Trong phần ba tán thán đại chúng có thể kham nổi việc nghe thuyết giảng, để thỉnh cầu: Số câu: Từ câu: “Ở đây lại tán thán”: Là do trong phần trước ngạc nhiên vì sự im lặng nên nêu rõ chỗ hồ nghi để thỉnh cầu, đã có bốn kệ tán thán về đại chúng, để thỉnh cầu rồi, nay vì sao lại tán thán nữa?

- Từ câu: “Do nghe trên nói về chứng, tín” tiếp xuống: Là giải thích ý của việc tán thán lần nữa. Tức trước tán thán đại chúng chẳng nhân nơi sự dừng lại, phát sinh. Nay tán dương là nhân chỗ dừng lại, phát sinh của bậc pháp chủ ở trước. Vì thế mà có thể tán thán lần nữa.

- Số câu: “Một là khéo làm trong sạch tư niệm, tức là dục thanh tịnh”: Tức năm thứ tịnh ở đây thì hai thứ trước là văn Tuệ, ba, bốn là Tư Tuệ, thứ năm là Tu Tuệ. Dục (mong muốn) thanh tịnh là Tâm cầu pháp. Ưa thích pháp gọi là dục. “Tùy theo chỗ nhớ nghĩ về giáo pháp, đạt được phương tiện là Niệm Giác tịnh” là văn của Luận.

Từ câu: “Nghĩa là đạt được phương tiện” tiếp xuống: Là phần Số giải thích văn của luận.

Trên nói “Tùy theo đối tượng được nhớ nghĩ”: Tức đối tượng được nhớ nghĩ chẳng phải là một. Đạt được phương tiện Niệm Giác là Tâm của chủ thể nhớ nghĩ, Niệm là niệm theo dục, Giác là giác của tư duy. Phần số chỉ giải thích câu đạt được phương tiện. Nhưng phương tiện thì có hai ý:

Một: Dùng Niệm Giác cùng với văn Tuệ làm nguyên do.

Hai: Chẳng chấp giữ nơi Tướng của Niệm.

Nay Số giải chỉ nêu ra ý sâu xa.

- Số câu: “Ba nghiệp kính thuận khởi cầu pháp, hành”:

Dấy khởi hành thâm nhiếp pháp nên gọi là cầu. Chỉ khiến ba nghiệp tu tập thuận theo pháp, tức gọi là Cầu.

- Số câu: “Tức sinh đạt được thanh tịnh” Là tương đương với phần

bốn của Luận. Nay dùng Luận căn cứ theo kinh. Làm tăng trưởng nơi chốn của chúng sinh tức là càng lên trên là sinh vào chốn thù thắng.

“Bi Trí với niệm thù thắng” tức là tâm tư duy. Đây là thuận theo văn của Luận. Nếu theo ý của Đại Sư Tuệ Viễn thì cho rằng: Văn của Luận không thuận. Thuận hợp thì phải nói: “Đắc sanh tịnh” (đạt được sanh tịnh nơi sinh) Sinh là chỗ cầu được sinh cõi thù thắng. Đắc là Tư Tuệ tích tập nơi niệm thù thắng”. Cũng là một lý.

- Sở câu: “Tức thọ trì thanh tịnh”: Là tương đương với phần ba của Luận. Trì tức là Tư Tuệ nhớ nghĩ, duy trì không quên mất. Kinh nói “Thân cận Phật”. Luận nêu: “Thọ trì”, Nghĩa há là như nhau? Nên Sở giải nêu ra ý cho rằng: “Thân cận Phật, ý ở nơi chỗ thọ trì pháp”. Nhưng luận giải thích kinh căn cứ chỗ do gặp nhiều Phật thọ trì pháp, nên thường được sinh vào cõi thù thắng, vì vậy “thọ trì” thuộc phần ba. Kinh này căn cứ theo chỗ do được sinh vào nơi chốn thù thắng nên đời đời thấy Phật, thọ trì diệu pháp nên “thọ trì” thuộc phần bốn, đồng với Tư Tuệ.

- Sở câu: “Thiện căn của việc lìa bỏ chấp trước”: Tức khi muốn hội nhập nẻo chứng đắc thì trước cần phải tu tập Hạnh lìa bỏ chấp trước. Mười hai Hạnh đầu đà đều là lìa bỏ tham đắm chấp trước.

- Sở câu: “Đạt được Hiện Trí thanh tịnh nên Thiện quyết định”: Trên đều là văn của Luận.

Từ câu: “Nghĩa là trong Chân Kiến đạo” tiếp xuống: Là phân giải thích của sở. Gồm hai:

Một: Là phối hợp riêng về Hiện trí, Thiện quyết định.

Hai: Từ câu: “Cũng có thể gồm chung” tiếp xuống: Là phối kết chung cả hai câu.

Trong phần trước dùng hai chữ Hiện trí phối hợp với Chân Kiến đạo, tức là Trí của Hiện quán thứ tư trong sáu Hiện quán. Hiện quán đúng thật (đế) gọi là Hiện Trí.

- Sở từ câu: “Trong Tướng kiến đạo” tiếp xuống: Là dùng chữ Thiện quyết định phối kết với Tướng kiến đạo.

- Nói “Hậu Đắc Trí”: Nhưng ba tâm nơi Kiến đạo có phối kết với Căn bản trí và cả Hậu Đắc Trí. Luận ấy đã dùng nghĩa sau là chính, nên nay trong phần Sở giải gọi là “Tướng kiến đạo”. Là do ba tâm cùng mười sáu Tâm đều phối hợp với Hậu Đắc Trí.

- Nói “Lý, Trí xét quán” tức ba Tâm nơi Kiến đạo thấy đều duyên nơi Lý. Mười sáu Tâm nơi Kiến đạo, thì tám quán về Chân như, tám quán về Chánh trí. Cho nên biết Tướng kiến đạo duyên chung cả Lý,



Trí.

- Số câu: “Cũng có thể dùng chung”: Là phối kết chung hai câu. Song, chỗ trước thì chẳng chung. Nghĩa là, trước, Tướng kiến đạo chẳng gọi là Hiện Trí, nay cũng được gọi, do Luận cũng gọi là Hiện quán, nên ba tâm nơi Kiến đạo cũng là chỗ thâm tóm một phần ít của Hiện quán thứ bốn, là Quán, chẳng phải là an lập Hậu Đắc Trí không phân biệt. Mười sáu tâm nơi Kiến đạo tức là chỗ thâm tóm của Hiện quán thứ năm.

- Số câu: “Trong Chân Kiến đạo xác định Lý không mê lầm”: Ở trên, Chân Kiến đạo chỉ gọi là Hiện quán, chẳng gọi là Thiện quyết định. Nay cũng gọi là quyết định tự chứng Chân như, nên đối với Lý là quyết định.

- Số câu: “Đều là phá trừ Vô minh nên gọi là lìa bỏ Si, Hoặc”: Dùng hai chỗ giải thích trên để lãnh hội chỗ giải thích văn kinh. Trên chỉ giải thích từ “Hiện trí”, “Thiện quyết định” của Luận. Nay, ở đây, chỗ biện minh về hai thứ Kiến đạo đều là phá trừ Vô minh. Vì vậy, kinh viết: “Lìa bỏ Si, Hoặc”. Tức “Chân Kiến đạo” chính là “Chủ thể phá trừ” chỗ mê lầm về Lý nơi Vô minh, nên viết là “Lìa bỏ Si”. Trong “Tướng kiến đạo” là Hậu Đắc Trí không phân biệt, cũng là có thể phá trừ mê lầm về Lý nơi Vô minh, mà cũng có thể phá trừ mê chấp về Sự nơi Vô minh, tức sở tri chướng. Cho nên viết là “Lìa Hoặc”. Do vậy, phần tiếp sau, Bồ tát Kim Cang Tạng nhắc lại văn này, nói: “Tuy đại chúng ở đây đã tích tập điều thiện, làm trong sạch tư niệm, lìa bỏ ngũ si cùng mọi thứ nghi, hoặc”, nên biết rõ Si, Hoặc hai chữ có nghĩa khác nhau.

Trên nói “Sáu Hiện quán”: Tức nơi Luận Duy Thức, quyển thứ chín giải thích về hai Kiến đạo, sau đấy viết: “Hai Kiến đạo này, cùng với sáu Hiện quán cùng thâm tóm. Thế nào là sáu Hiện quán? Đó là:

Một: “Tư Hiện quán”: “Nghĩa là Hỷ, thọ phẩm thượng tương ứng với Tư tuệ (Tư sở thành tuệ). Ở đây có thể quan sát về cộng tướng của các pháp, làm phát sinh Noãn v.v... trong đạo Gia hạnh, quán sát các pháp, với dụng hết sức mạnh mẽ nên lập riêng Hiện quán”.

Hai: “Tín Hiện quán”: “Tức là duyên nơi Tam bảo thế gian và xuất thế gian, quyết định tin tưởng thanh tịnh, ở đây đã hỗ trợ cho Hiện quán khiến không thoái chuyển, nên lập tên gọi Hiện quán”. Phần giải thích viết: “Tín cũng là phẩm thượng, chung cho Hữu lậu, Vô lậu. Hiện quán là Tuệ, nên Tín là sự hỗ trợ”.

Ba: “Giới Hiện quán”: Tức Giới Vô lậu dứt trừ chỗ cấu uế của

sự phá giới, khiến cho quán thêm sáng tỏ, nên cũng là Hiện quán. Giải thích nói: Đây là Đạo cộng giới.

Bốn: “Trí đế Hiện quán”: Nghĩa là Nhất Thiết Chủng. Duyên an với Trí Căn bản, Hậu đắc không phân biệt của đế phi an lập.

**Giải thích:** Tức là ở nơi quả vị nào, chỉ duyên phi an lập, tức chung cho hai Trí, đều do đầy thâm tóm, nên gọi là “Nhất Thiết Chủng”.

Đại Luận, quyển thứ bảy mươi lăm, nói: “Ba Tâm nơi Kiến đạo là Hiện quán này”. Cho nên biết cũng là chỗ thâm tóm của Hậu Đắc Trí. Tức là hai Trí của Kiến đạo và Tu đạo. Chẳng chọn lấy hai Trí của bậc Vô học tức so với Hiện quán cứu cánh chẳng khác biệt.

Năm: “Biên Trí đế Hiện quán” Tức là Hiện quán tiếp sau của Hiện quán Trí đế, với các duyên an lập Trí thế gian và Xuất thế gian. Giải thích nói: Nghĩa là trí được sau duyên an lập mười đế v.v... Rõ ràng chung Hữu lậu, vô lậu, tất cả Kiến tu đạo, Duyên an lập đế trí, thì Đại Luận quyển bảy mươi một nói: Duyên an lập cảnh đế, Tuệ là tự tánh này.

Sáu: “Cứu cánh Hiện quán”: Nghĩa là Tận Trí cùng với Trí của quả vị rốt ráo.

**Giải thích:** Tức phần sau của bậc Vô học. Tận Trí, Vô sinh Trí, là Tự Tánh.

**Luận viết:** “Chân Kiến đạo này thâm tóm phần ít Hiện quán thứ bốn kia. Tướng kiến đạo này thâm tóm phần ít Hiện quán thứ bốn, thứ năm. Hiện quán thứ hai, thứ ba, tuy cùng với đầy khởi mà chẳng phải là Tự Tánh nên chẳng cùng thâm tóm”.

**Giải thích:** Quán thứ tư, duyên phi an lập nơi Trí căn bản, tức chỗ thâm tóm của Chân Kiến đạo. “Duyên phi an lập” nơi Hậu Đắc Trí, tức là ba Tâm nơi Tướng kiến đạo thâm tóm. Quán thứ năm, duyên an lập nơi đế, là chỗ thâm tóm của mười sáu Tâm nơi Tướng kiến đạo. Nhưng chung cho cả Tu đạo nên gọi là “Phần ít”.

**Luận viết:** “Khi Bồ tát đạt được hai Kiến đạo này thì sinh nơi nhà của Như Lai, trụ nơi địa Cực Hỷ, khéo thông đạt pháp giới, có được các pháp bình đẳng, luôn sinh trong các tập hội lớn của chư Phật đối với hàng trăm môn đều được tự tại, tự biết chẳng bao lâu sẽ chứng đắc đạo quả đại Bồ đề, có thể đến tận cùng đời vị lai, đem lại lợi ích cho hết thảy”.

**Giải thích:** Nói: “Các thứ bình đẳng” tức nơi Nhiếp Luận quyển thứ sáu nói đạt được ba bình đẳng: “Bình đẳng nơi tất cả chúng sanh”, tất cả Bồ tát, tất cả Như Lai”.

Ở trên đều là văn của Luận Duy Thức, phần Sở giải đã nêu dẫn ý để giải thích. Chỉ xem nơi văn của Luận rõ ràng nên có thể nhận biết. Hai Kiến đạo đều là Hiện quán thứ tư. Nghĩa là, duyên phi an lập nơi Hậu Đắc Trí tức là ba Tâm nơi Tướng kiến đạo. Mười sáu Tâm duyên an lập nơi Trí thế gian và Xuất thế gian là Hiện quán thứ năm.

- Sở câu: “Tức là sự thanh tịnh của phiền não chẳng hành”: Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Nêu văn của Luận.

Hai: Phần giải thích của sở.

- Nơi phần một gồm ba chi tiết.

Một là: Nêu tên gọi.

Hai là: Từ câu: “Trong Tu đạo” tiếp xuống: Là biện giải về quả vị.

Ba là: Từ câu: “Tất cả phiền não” tiếp xuống: Là giải thích về Tướng.

- Sở từ câu: “Sau Tướng kiến đạo” tiếp xuống: Là phần hai, Sở giải thích Luận. Cũng gồm ba đoạn:

Thứ nhất: Định rõ về Vị. Tức trong địa thứ nhất bao gồm hai Vị là thông đạt, Tu tập. Từ sau Giải thoát đạo của định Kim cang Dụ mới là vị Cứu Cánh.

Thứ hai: Từ câu: “Lại luôn tu tập” tiếp xuống: Là giải thích về Tu đạo. Tức nơi Luận Duy Thức quyển thứ chín, trong phần tăng thêm đối tượng được bao gồm đã nêu dẫn rộng.

Thứ ba: Từ câu: “Diệt trừ hai th thô trọng, đều chẳng hành” tiếp xuống: Là Sở giải thích Luận. Trong đó, câu “Phiền não chẳng hành” chính là giải thích nghĩa “Bất Hành tịnh” (sự thanh tịnh của phiền não chẳng hành). Văn nơi bản Sở giải gồm năm:

Một là: Chính thức giải thích.

Hai là: Thông tỏ chỗ vướng mắc.

Ba là: Dẫn chứng.

Bốn là: Lãnh hội kinh.

Năm là: Trở lại giải thích chỗ vướng mắc do vấn nạn.

- Một là: Chính thức giải thích.

Chỉ giải thích: Luôn Tu tập về Trí ấy nên xả bỏ hai tính chất thô, trọng của phiền não, chủng tử của hai chướng. Gọi là Thô, Trọng là do Tánh không thể kham nhận, trái với Tế (vi tế) Khinh (nhẹ). Khiến cho hai chướng kia vĩnh viễn bị diệt trừ nên gọi là xả bỏ.

- Sở câu: “Đối chiếu trong Kiến đạo, đầu tiên là đoạn trừ sở tri”:

Là phần hai, thông tỏ chỗ vướng mắc. Tức có vấn nạn: “Trong Kiến đạo đã cùng đoạn trừ hai chướng, nhưng vì sao chỉ gọi là đoạn trừ sở tri chướng?” (Đối tượng được nhận biết).

Đáp: Do chướng của dị sinh tánh chính là chấp giữ “Sở tri”, cho đó là Thể. Cho nên Luận Duy Thức viết: “Tuy chỗ đoạn trừ của địa thứ nhất thật sự là chung cho cả hai chướng, nhưng chướng của dị sinh tánh ý là chấp giữ nơi “Sở tri”, cho mười Vô minh chẳng phải là nhiễm ô”. Vì thế, kinh này nói: “Lìa bỏ si, hoặc”. Si, Hoặc tức là nêu riêng về “Sở tri”. Tiếp theo nói: “Cấu nhiễm tức là phiền não”.

- Sơ câu: “Luận Thành Duy Thức quyển thứ mười nói: Trong phiền não chướng ...” Là phần ba dẫn chứng. Phần trước nơi Luận viết: “Mười thứ này thuộc về một chướng, hai chướng. Những chủng tử Kiến đạo đã đoạn trong phiền não chướng đối với địa Cực Hỉ Kiến đạo thì bắt đầu đoạn chướng kia hiện khởi hàng trước địa đã hàng phục chủng tử mà tu đạo đoạn trừ”. Phần sau của Luận so với chỗ nêu dẫn của bản Sở giải ở đây là giống nhau.

**Giải thích:** Căn cứ trong phần đoạn trừ của Tu đạo, xem thẳng nơi văn của Luận thì địa thứ nhất trở lên có thể tức thời hàng phục, dứt hết mọi hoặc hiện hành của Tu đạo. Như bậc A-la-hán các lậu đã hết, phiền não không còn trở lại nữa. Phần tiếp theo nói: “Do sức mạnh của sự cố ý nên trong bảy địa tuy tạm hiện khởi mà không bị sai lầm”. Đây tự là một đoạn thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Tức có vấn nạn nêu: “Đã cho như bậc A-la-hán khiến các thứ phiền não vĩnh viễn chẳng hành. Như thế thì sao trước quả thứ tư vẫn còn dấy khởi ngã kiến? Địa thứ bảy trở về trước vẫn còn dấy khởi tham, sân?”.

Nên vì dấy mà ở đây giải đáp: Do sức mạnh của cố ý dấy khởi. Nghĩa là sáu địa trước chấp nhận có ra khỏi quán, nên còn có lầm dấy khởi. Trong địa thứ bảy luôn ở nơi Vô tướng mà hóa độ chúng sinh là cố ý mà dấy khởi. Dấy khởi nhưng không bị sai lầm là thị hiện khởi thị hiện diệt. Tức như phần sau của kinh nói về địa thứ bảy có đoạn: “Tuy đã dập tắt rốt ráo ngọn lửa của các phiền não, nhưng có thể vì chúng sinh mà dấy khởi hạnh diệt trừ ngọn lửa phiền não tham sân si”. Tức là văn ấy. Luận nói: “Nhưng chẳng bị sai lầm”. Phần tiếp sau của kinh viết: “Tuy thường vắng lặng, nhưng do diệu lực của phương tiện mà trở lại sáng tỏ, rục rở. Dù là rục rở nhưng không thiêu đốt”. Tức văn nói về điều ấy.

Do vậy, trong phần sau, Bồ tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ tát Kim Cang Tạng: “Phật tử! Bồ tát bảy địa này là hạnh nhiễm hay hạnh tịnh?”

Bồ tát Kim Cang Tạng nói: Từ địa thứ nhất cho đến địa thứ bảy, công hạnh tu tập hành hóa đều lìa bỏ nghiệp, phiền não, đem đó hồi hướng về đạo quả Bồ đề Vô thượng nên được phần đạo Bình đẳng, nhưng chưa được gọi là Hạnh siêu vượt phiền não...”Nên kinh đã nêu Luân Vương, Phạm Vương để dụ. Luân Vương nương theo hư không, chẳng nhiễm vướng về tham v.v... nơi thế gian, nhưng chưa được gọi là “Vượt hẳn nhân loại”, để dụ cho hàng bảy địa nương nơi cỗ xe hành hóa là các pháp Ba-la-mật không còn nhiễm vướng phiền não, nhưng chưa được gọi là hạnh siêu vượt phiền não. Đoạn sau nơi Luận viết: “Địa thứ tám trở lên là phiền não hoàn toàn chẳng hành”. Văn của Luận ở đây là rất phù hợp với kinh. Nhưng ý của Pháp sư Đại thừa giải thích như A-la-hán do lực cố ý. Bèn làm thành một luận chứng nghĩa là như thế nào nói A-la-hán có sợ, có không sợ, người không sợ, dấy khởi sợ thì không đúng. Cho nên đây tức là chỉ loại Hộ pháp A-la-hán sợ phiền não không dám dấy khởi, nên giống như chẳng phải đạt được ý (không sợ). Lại nói: Nhưng trong đây nói những sở đoạn của kiến đạo chỉ là đốn ngộ nhập còn sở đoạn của Tu đạo chung cả, Tiêu hữu học và vô học, thì hai loại này đều không có. Lại hỏi: Những thứ chưa hàng phục ở hàng trước địa về tướng mạo có thể nhận biết, còn đã hàng phục thì có gì khác đây? Đáp: Do đạo lực yếu, không thể hàng phục hết vì chế ngự phiền não phần ít tự hành, tức tự Ngã tham v.v... còn có thất niệm dấy khởi lên, nên nói hàng trước địa đã hàng phục một phần ít, chứ không phải có tướng riêng cho hàng trước địa hàng phục nó. Giải thích nói đây tức giải thích câu: Trước địa hàng phục từ từ.

- Sở từ câu: “Phiền não tức là cấu nhiễm” tiếp xuống: Là phần bốn, lãnh hội văn kinh. Có thể nhận biết.

- Sở câu: “Tuy nhiên, trong Kiến đạo không phải là không đoạn trừ Hoặc, làm tăng trưởng nghĩa thấy rõ lý”: Là phần năm, trở lại giải thích chỗ vướng mắc do vấn nạn. Tức có vấn nạn: “Tu đạo có thể làm đoạn trừ Hoặc thì Tu đạo mang tên là Tu đạo. Kiến đạo cũng là đoạn trừ Hoặc thế cũng nên gọi là Tu đạo chẳng? Lại nữa, Kiến đạo có thể thấy được lý, thấy rõ về lý nên gọi là Kiến đạo. Tu đạo đã hai lượt quán chiếu phải chẳng cũng được gọi là Kiến đạo?”.

Do đó, ở đây giải thích: Theo nơi nghĩa tăng tiến, trội bật nên nêu một tên gọi.

- Nói “Làm tăng trưởng nghĩa thấy rõ Lý”: Kiến đạo là thấy rõ Lý, tức hiển bày nghĩa đoạn trừ Hoặc là kém, vì chẳng đoạn trừ Hoặc Câu sinh nên Tu đạo đoạn trừ chướng, nghĩa này là hơn. Tức là có thể

dứt trừ Hoặc Câu sinh khó đoạn và luôn luôn đoạn trừ, nên trước đã thấy rõ Lý so với đây là kém.

- Sớ câu: “Tức chỗ thanh tịnh của việc không hề biết chán đủ”: Tức nơi địa thứ tám với Hành không công dụng, ở trong dòng chảy của pháp, hướng tới Quả không gián đoạn nên gọi là “Không hề biết chán”. Chẳng ưa thích Tiểu thừa là Tự phần vững chắc. Song ở nơi tăng tiến thì trên dốc tìm cầu, mong muốn, tức là nơi thâm tâm quyết định, là giải thích chỗ tin hiểu kia.

- Sớ câu: “Chỗ thanh tịnh của việc không theo sự chỉ dạy nơi người khác”: Là Luận nêu tên.

- Từ câu: “Hướng tới Bồ tát địa” tiếp xuống: Là Luận giải thích. Nhưng Luận chỉ nói: “Hướng tới chỗ tận cùng trong đạo, tự hành hóa chính đáng”. Nay phần Sớ giải thêm “Bồ tát địa tận” là để giải thích chữ Tận của Luận. Tức chỗ tốt cùng nơi quả vị của thập Địa, đạo quả trọn đủ. Pháp của địa nơi Tâm, chẳng do người khác chỉ dạy, nên gọi là “Tự hành hóa chính đáng”.

- Sớ câu: “Người lãnh hội kém là chỉ chung cho hàng phàm phu, Tiểu thừa”:

**Kinh nói:** “Lãnh hội kém”. Luận giải thích kinh viết: “Ưa thích pháp nhỏ”. Cho nên phần Sớ giải kết hợp nêu cả hàng phàm phu, tức hàng trước địa. Tiểu là Tiểu thừa, chữ đẳng (vân vân) là chỉ cho hàng Bồ tát Quyền Giáo, trong đó không có Tiểu thừa lấy gì để chọn? Nghĩa là trong nội này cũng có chúng sanh thuộc tâm nhỏ tiểu thừa, cũng có thể cũng không muốn bị rông mang tên là Tiểu. Tuy đây có chọn đấy, nhưng để kích thích khởi tâm tức trở thành đối tượng được bao gồm trong hội này.

- Sớ từ câu: “Sinh nhiều nghi ngờ” tiếp xuống: Là nhắc lại kinh để giải thích.

- Từ câu: “Chánh hành” tiếp xuống cho đến câu “Nên xa lìa pháp thiện” đều là văn của Luận. Nhưng Nghi từ hai cảnh mà sinh ra, đã vướng mắc vào hai nẻo nên không đến với Lý nơi Hành chân chính.

Hoặc tức là mê lầm, hoàn toàn chẳng thấu rõ, nên có thể sinh lòng chẳng tin, hủy hoại pháp thiện, xa lìa pháp thiện.

Đại Sư Tuệ Viễn cũng đem hai câu sau nơi Luận, kết luận riêng về lỗi lầm của hai thứ Nghi, Hoặc: “Do có Nghi nên hủy hoại pháp thiện, do có Hoặc nên xa lìa pháp thiện”. Cũng có lý riêng.

Song hai câu nơi Luận cùng chung một, chữ “Cố” tức dùng để kết hợp chung cho hai chữ Nghi, Hoặc.

- Sở câu: “Đây là nêu rõ chỗ tổn hại hiện có”: Là Sở giải tóm kết phần trước, phát sinh phần sau.

- Nói “Nơi đêm dài”: Tức sự tối tăm của sinh tử được so sánh như đêm. Luân chuyển không bến bờ, hạn lượng nên gọi là dài. Phá bỏ pháp không tin, rơi vào ba nẻo ác nên thọ nhận mọi sự khổ não.

- Sở câu: “Kệ đầu tụng lại đoạn trước”: Tức là nhận lãnh chỗ tán thán ở trước.

Câu: “Thanh tịnh nêu rõ là có Tín”: Tín tức là thuận theo Giáo. Trong đoạn trước ấy nói là “Làm trong sạch Tư niệm”, tức trong phần văn xuôi nói “Khéo làm thanh tịnh tâm Tâm”. Trước, làm thanh tịnh tâm Tâm tuy gồm cả Giáo, Chứng. Nhưng nay, vì phân làm hai, nên nói là “Có Tín”. “Phần còn lại đều “Có Chứng”: Là trí tuệ rộng lớn, tức chỗ trước nói là “Lìa bỏ Si, Hoặc”. “Không có cấu nhiễm” tức trong phần văn xuôi nói là “Lìa bỏ ngu si cùng mọi nghi hoặc. Hết mực sâu xa, sáng tỏ, sắc bén, nên có thể quyết định lựa chọn, tức là ở trước nói “Thâm tâm tin hiểu”. Từ đây trở xuống là văn của kinh, tức nơi phần văn xuôi nói “Đối với pháp hết mực sâu xa chẳng theo sự chỉ giáo của kẻ khác”.

- Sở câu: “Như núi, như biển cùng dụ cho Giáo, Chứng”:

Động tức là dao động. Phúc nghĩa là phản phúc (thay đổi). Nay, đối với Giáo quyết định tin tưởng, không dao động, cũng không thay đổi. Đối với Chứng cũng vậy.

- Sở câu: “Kệ sau tụng lại đoạn sau”: Tức nêu lên chỗ tổn hại, trái ngược để thỉnh cầu.

- Sở câu: “Do chấp giữ về Tướng nên chỉ dựa nơi Thức”: Là hiển bày ngược lại, tức không chấp giữ Tướng là Trí nên dựa vào đây.

“Thứ năm là cùng tán thán về người, pháp để thỉnh cầu”: Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Nêu ra ý.

Hai: Từ câu: “Chỉ rõ sự nghi hoặc kia” tiếp xuống: Là phần giải thích của Luận. Câu: “Há có thể lẩn tránh”: Là nêu ngược lại phần trước nói “Phát sinh nhiều nghi, hoặc”.

Câu sau: “Lẩn tránh không thuyết giảng có nhiều lỗi lầm” là lật ngược lại câu trước nói “Ở trong đêm dài thọ nhận bao nỗi khổ não, đâu có thể thành tựu được tất cả pháp Phật”.

- Sở câu: “Sách là hình tướng của chữ”: Gồm hai:

Một: Nêu dẫn Luận.

Hai: Từ câu: “Do sách ghi chép chữ” tiếp xuống: Là Sở giải thích

Luận. Sách tức là Sắc pháp. Chữ tức là văn, là “Hành bất tương ứng” nên nói “Chẳng phải là Thể của chữ”.

Nói “Hiện ra hình của Sư tử”: Là nhắc lại Luận để giải thích.  
(...)

- Sở câu: “Sách của Phạm Thiên”: Tức là Đại Phạm Thiên Vương, từ lúc “Kiếp sơ” đã tạo nên “Sách chữ” ấy để dạy cho chúng sinh. Chẳng giống với phương này (Trung Hoa) với loại chữ Thiên chữ Lệ.

- Nói “Tùy thời” Tức sách xưa tùy thời mà có nhiều danh mục. Sự trước gọi là Đại Triện. Lý Tư gọi là Tiểu Triện. Sái Ung gọi là Bát Phân. Trình Mạo gọi là Lệ Thư v.v... Đều tùy thời mà sai biệt.

- Sở câu: “Trên như dòng họ Thích”:

Đều như kinh Quán Phật Tam Muội cùng Luận Đại Trí độ đã nêu, dòng họ Thích là “Báo định”, vì thế bị vua Lưu Ly sát hại. Vua Lưu Ly đã tạo “Nghịch định” nên Phật chẳng thể can ngăn.

- Sở câu: “Tự nêu bày là có căn, có dục “:

Có căn nên kham nổi việc nghe giảng nói. Có mong muốn (dục) nên ưa thích nghe thuyết giảng.

- Sở câu: “Đối hợp với Giáo gọi là trên”:

Tức ở trước cùng là chỗ chung của Giáo, Chứng. Gọi là Trên, tức căn cứ nơi người để tán thán, nêu rõ Bồ tát Kim Cang Tạng hiện có Giáo, Chứng tối thượng.

- Sở từ câu: “Trong đó, tán thán về chứng đặc Biện tài có ba” tiếp xuống: Là giải thích về câu riêng.

- Sở câu: “Dựa nơi trước dấy khởi Từ, Nhạo thuyết biện tài: Biện tài của ba đoạn trên tức là ba chi tiết.

Một: Chân Trí là gốc.

Hai: Dựa nơi Chân Trí để có thể đạt Nghĩa Pháp biện tài.

Ba: Dựa nơi Nghĩa Pháp để có thể dấy khởi Từ, Nhạo thuyết biện tài. Nhưng căn cứ nơi tâm thì bốn biện tài đều xứng với trí.

Nếu nơi miệng lưu loát thì bốn thứ đều gọi là Biện tài. Từ, Nhạo thuyết tức là chủ thể thuyết giảng; Pháp Nghĩa, hai Trí tức là đối tượng được thuyết giảng. Tức khi chính thức nêu giảng thì Từ, Nhạo thuyết là chủ thể. Nay căn cứ theo bên trong, có Pháp, Nghĩa thì mới dấy khởi Từ, Nhạo thuyết nên Từ Nhạo thuyết biện tài là quả, biểu thị về diệu chỉ sâu xa, tức là Nhạo thuyết (ưa thích nói). Hoạt bát, lanh lợi, hơn hết tức là Từ Vô ngại biện tài. Cả hai đều căn cứ nơi sự thuyết giảng nên đều là “Chữ”.

Câu “Tâm thanh tịnh tức là địa thứ nhất”: Là chứng đắc tâm là



cấu nhiễm.

- Nói “Do tích tập đức nên thành tựu”: Là lãnh hội kinh hiện tại đồng với chỗ Luận giải thích kinh. Luận giải thích kinh nói: “Là Tâm tịnh của mười Lực”. Luận viết là: “Tâm tịnh tức chỗ thành nơi địa thứ nhất”. Kinh nay nói: “Tích tập công đức” tức là nhân của chủ thể thành tựu. Đoạn sau, phần thuyết giảng về địa thứ nhất nói: “Như có chúng sinh vun trồng sâu thiện căn, khéo tu tập các hành, khéo tích tập các pháp trợ đạo v.v...” nhờ đấy mà đạt được địa, là Thân của đối tượng được nương tựa. Do đó, “Tích tập công đức nên thành tựu nơi địa thứ nhất”.

- Sơ câu: “Biện tài, phân biệt giảng nói, ý là khiến thọ trì pháp của thập Địa”: Phần sơ chỉ giải thích chung. Tức câu trên nơi kinh là chính thức thuyết giảng. Câu sau nơi kinh là ý của sự thuyết giảng. Theo ý của Đại Sư Tuệ Viễn (Tùy) thì hai câu chẳng đồng. “Là nghĩa của Biện tài phân biệt” tức là dựa theo Thể Tánh nêu ở trước để phân biệt về nghĩa của địa. Thuyết giảng về địa tối thắng ấy tức là dựa vào Tự, nhạo thuyết biện tài để nói về pháp của thập Địa khiến người thọ trì. Do luận chỉ nêu: “Thế nào là khiến hội nhập nơi giáo pháp với nghĩa phân biệt không ngăn ngại, khiến thọ trì pháp của thập Địa” nên sơ chỉ giải thích về Tướng chung.

- Sơ từ câu: “Nói về chủ đã gồm đủ cả hai Lực từ bên trong” tiếp xuống: Là tóm kết chung về ý của hai Tụng nơi hai Lực.

- Sơ từ câu: “Chỉ Nguyện là chung” tiếp xuống đến câu “Không sanh cung kính”: Đều là văn của luận. Từ câu “Dùng Định, Giới, để đối trị” tiếp xuống: Là sơ dùng ý để giải thích. Nhưng Luận nói về Giáo, Chứng đều có hai Vọng tưởng, cùng một lúc được dấy khởi. Phần sau nói về bốn đối trị cũng cùng một lúc được nêu dẫn. Nay, phần Sơ giải nói về Giáo, Chứng đã phân ra để nêu bày. Ở đây chỉ nêu ra hai lỗi lầm của Giáo.

Từ câu: “Dùng Giới, Định” tiếp xuống: Là phần sau của Luận để nói về sự đối trị. Luận viết đầy đủ là: “Có hai thứ đối trị, nên có thể kham nổi việc lãnh hội giáo pháp: Một là định. Hai là Giới. Định là Tâm được điều phục. Giới là trụ nơi uy nghi của nẻo Thiện. Nay sơ đã thêm chữ để giải thích. Phần này có thể nhận biết. Tiếp theo là nêu lên hai lỗi lầm của Chứng, liền nhắc lại hai đối trị đều hiển bày, có thể nhận biết. Nhưng câu “Không, tập, chánh, tâm, Luận giải thích Kinh nói: Định, Giới, Thâm, Chánh, Ý. Thâm tức kinh nay là chữ Tập. Ý tức kinh nay là chữ tâm. Lại câu thứ hai luận giải thích Kinh nói: Ly ngã

mạn vọng kiến. Chữ vọng tức chữ tà của Kinh nay nhưng luận riêng giải thích chữ vọng.

Theo Đại sư Tuệ Viễn (Tùy) thì: “Câu đầu là môn thâm tóm các hành đối trị có năm. “Tướng tòng” là bốn. Cần thâm tóm chỉ có hai”.

Nói “Thâm tóm Hành đối trị có năm” là: Định, Giới, Thâm, Chánh kiến và Chánh ý. Một môn Chánh kiến thì nghĩa có, văn không, có do Luận giải thích viết: “Ba là Chánh kiến, Bốn là Chánh ý” nên gọi là Nghĩa có. Văn nơi kinh thì không có.

Nói “Tướng tòng có bốn”: Tức thâm cùng với Chánh kiến hợp làm một.

“Cần thâm tóm chỉ có hai”: Là hội nhập nơi Giáo pháp và Hành chứng. Nay phần Số giải chỉ nêu có hai. Bốn chẳng chia thành. Năm là do kinh không có chữ Vọng. Vọng tức chữ tà. Luận giải thích chữ Vọng viết: Vọng nghĩa là Vọng Tướng. Trong kiến đồng với Sử. Nhưng giải thích kiến chỉ nói: “Điên đảo kiến”. Nghĩa chung gồm cả phần sâu cạn. Nghĩa là đối với pháp Vọng chấp giữ, nên gọi là điên đảo kiến, kiến này thì cạn. Bác bỏ, cho không có nhân quả là điên đảo kiến, kiến này thì sâu, trong kiến đồng với Sử, tức là Tà kiến của việc bài bác không tin có nhân quả, nên không chia ra.

Song, chữ Chánh có hai cách dùng là Chánh kiến và Chánh ý. Đối tượng được đối trị đã chỉ có bốn. Chủ thể đối trị đã tích tập chính là hợp để đối trị kiến điên đảo.

- Số câu: “Nghĩa là tích tập tư duy sâu xa”: Là dùng chữ Tập (Tích tập) của kinh kết hợp với chữ Thâm (sâu xa) của Luận. Tư duy sâu xa tức gọi là Lý đã được nhận thấy. Cho nên Luận viết: “Sâu xa là ý vi tế, khéo tư duy. “Tâm tin tưởng hoan hỉ”: Chánh tâm tức là Tâm tin tưởng. Do tin, hiểu gồm đủ nên có thể hội nhập nơi nẻo Chứng. Phần văn còn lại có thể nhận biết.

- Số câu: “Thị hiện chánh thọ. Nghĩa của chỗ thuyết giảng kia”: Theo Đại sư Tuệ Viễn thì bốn thứ dụ là bốn loại tâm cầu. Nghĩa là toàn bộ là cầu được nghe pháp, theo dụ kết hợp chung gồm đủ có năm thứ:

Một: Tâm cầu pháp.

Hai: Pháp của đối tượng được cầu.

Ba: Dựa nơi pháp của hành vốn đã thành tựu.

Bốn: Dựa nơi bệnh của hành vốn đã đối trị.

Năm: Người khởi hành cầu pháp.

- Một: “Tâm cầu pháp”: Nghĩa là cầu đạt văn, Tư, Tu, Chứng nơi Tâm.

- Hai: “Pháp của đối tượng được cầu”: Tức bốn thứ pháp là văn, Tư, Tu, Chứng.

- Ba: “Hành của đối tượng được thành tựu”: Là bốn thứ Hành: Văn, Tư, Tu, Chứng do dựa nơi pháp đặt thành tựu.

- Bốn: “Bệnh của đối tượng được đối trị”: Là bốn thứ chướng ngại của văn, Tư, Tu, Chứng.

- Năm: “Người cầu pháp”: Là lại căn cứ nơi quả vị chính để thâu tóm làm bốn:

Một là: “Người khéo hướng tới”, cầu giáo để dấy khởi văn.

Hai là: “Người tập chủng”, cầu nghĩa để dấy khởi Tư.

Ba là: “Người tánh chủng”, cầu Hành để dấy khởi Tu.

Bốn là: “Người Giải Hành”, cầu thật để hội nhập Chứng.

Nay đối chiếu với năm thứ ấy để dụ nhằm hiển bày, chỉ rõ như nơi một dụ đầu. Khát là Bệnh. Tư duy là Tâm cầu. Nước mát là pháp. Lược bớt không nói đến người cầu. Hai câu tiếp theo cũng vậy.

Trong dụ thứ tư thì “Ong” là dụ nơi người. Ảnh hưởng hiển bày cả ba pháp trước. Cũng có người cầu, nhưng lược không có “Bệnh”...

**Luận giải thích kinh viết:** “Như loài ong dựa nơi mật, dựa nơi nghĩa cùng hành, cũng là tóm lược bỏ sung, nên tuy có năm sự việc mà ý chính là dụ cho Tâm đạt đến của Chủ thể cầu mong”. Vì thế, trong phần Số giải đã nêu dẫn Luận giải thích đầy đủ năm nghĩa ấy.

Một: Cầu văn tuệ. Cầu tức là Tâm cầu. Văn tuệ tức là pháp của đối tượng được cầu. Ban đầu (nghe) liền thọ nhận là Hành. Đã gọi là tùy chỗ đạt được mà uống, tắt dứt trừ bệnh khát. Ba sự cầu ở sau về Tâm và Pháp cũng theo đấy mà nhận biết.

Hai: Trong chỗ cầu về Tư Tuệ, thưởng thức pháp được lãnh hội, tức Hành hỗ trợ cho Thân, diệu lực tức dứt trừ bệnh.

Ba: Trong phần cầu Tu Tuệ, dựa nơi văn, Tư để Hành, thì Hành có thể trừ bỏ mọi tập khí của Hoặc, tức diệt trừ bệnh.

Bốn: “An Lạc Hạnh” là Hành của “Hiện pháp thọ lạc” (Thọ nhận an lạc nơi pháp hiện tại), thì Hành tắt không còn khổ nhọc, tức bệnh được dứt trừ.

- Số câu: “Đối tượng được cầu cũng cho là Pháp, dụ”: Cam lộ là Dụ, chữ Pháp tức là Pháp. Trong kinh Đại Bát Niết-bàn đã ví Đại Niết-bàn là thuốc Cam lộ bất tử, phối hợp với bốn nghĩa trên (là năm) nhưng nơi Luận không nói đến.

- Số câu: “Hành cũng là Hành của Quả”: Hành có hai nghĩa:

Một: Hành của Nhân, tức là thập Địa có thể đạt được quả vị Thiện

Thệ gọi là Hành của Thiện Thệ.

Hai: Hành của Quả, như nơi Phẩm Xuất Hiện nói:

*“Hành chân thật là Như Lai Hành  
Hành vô ngại là Như Lai Hành”.*

Chân thật là khế hợp với Thật Trí. Vô ngại tức Bi, Trí cùng lưu hành. Như Kim sí điều quạt cánh rẽ nước biển, ví như dựa nơi Pháp tánh không để hội nhập nơi biển sinh tử.

- Sơ câu: “Từ đây trở xuống là phần ba: Như Lai gia hộ cho sự thỉnh cầu”: Văn nơi bản Sơ giải gồm bốn phần:

Một: Nêu ý nối tiếp.

Hai: Giải thích tên gọi.

Ba: Lựa chọn, phân biệt.

Bốn: Giải thích văn.

- Trong phần một gồm hai chi tiết:

Một là: Chính thức biện giải về ý nối tiếp.

Hai là: Thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn.

**Luận viết:** “Như người thỉnh cầu chẳng phải là tôn quý pháp, chẳng phải là bậc Thánh thù thắng, thì chẳng thuyết giảng”.

**Giải thích:** Đây là biện minh theo hướng nêu ngược. Như thế thì thuận, tức nêu do người thỉnh cầu tôn quý pháp, hiển bày chỗ thuyết giảng là thù thắng nên Bồ tát Kim Cang Tạng liền nêu giảng.

- Từ câu: “Trước nay là phân” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Gồm hai:

Thứ nhất: Thông tỏ về vấn nạn ngầm.

Thứ hai: Thông tỏ chỗ vấn nạn về chỗ nối tiếp.

Nhưng theo ý của Đại sư Tuệ Viễn (Tùy) thì tổng cộng có năm môn phân biệt:

Một: Chủ thể gia hộ là Phật, có sự khác biệt.

Hai: Đối tượng được gia hộ chẳng đồng.

Ba: Nghiệp của sự gia hộ có khác.

Bốn: Tướng của sự gia hộ chẳng như nhau.

Năm: Gia hộ, thỉnh cầu, phân biệt, sai khác.

Nay Sơ giải đều nêu đủ. Nhưng trong văn, trước tiên là thông tỏ chỗ vấn nạn ngầm. Tức có vấn nạn: Trước giờ đã gia hộ, nay vì sao lại gia hộ nữa? Phần đáp lại có hai: Một là do trước chưa đầy đủ. Hai là đối tượng được bao gồm khác biệt. Cho nên trong phần trước, thứ nhất là nêu ra chỗ chẳng đầy đủ, ý cho rằng vì phân ra Chủ, Bạ. Do uy lực của Chủ nên khiến cho mười phương Phật gia hộ, vì thế ở trước, thân khẩu

chẳng đồng với chư Phật. Tiếp theo là chính thức hiển bày về chỗ chưa gồm đủ, tức chỉ biện minh về chỗ gia hộ của ý. Nghĩa là vâng theo thần lực của Phật cùng trong nhân của sự gia hộ là uy thần nơi bản nguyện của đức Tỳ Lô Giá Na.

Nay, nơi phần văn xuôi nói “Ánh sáng tỏa chiếu” là sự gia hộ của Thân, “Kệ tụng nói lời thỉnh cầu” là sự gia hộ của Miệng, nên đủ cả ba nghiệp thì Tướng của sự gia hộ mới gồm đủ. Đây tức, theo ý của Đại Sư Tuệ Viễn, là môn thứ ba: Nghiệp của sự gia hộ có khác.

- Sớ từ câu: “Lại nữa, trước im lặng là thể hiện uy thần” tiếp xuống: Là phần hai (trong chỗ đáp lại): Đối tượng được bao gồm khác biệt. Cũng cần nêu câu hỏi: Trước vì sao không đầy đủ, mà nay mới đủ?

Đáp: Giữ lại Thân, Miệng là phát khởi pháp của sự thỉnh cầu.

Nói “Khiến có sự gia hộ thỉnh cầu”: Trước là Phật chủ gia hộ, khiến được chư Phật gia hộ. Đã được Phật gia hộ, nên ra khỏi định, nêu bày về phần gốc nên liền có sự thỉnh cầu, tức trước Phật chủ gia hộ là Nhân của chư Phật gia hộ, cùng là nhân của ba nhà thỉnh cầu. Nay Phật chủ gia hộ thì sự gia hộ ấy tức là thỉnh cầu, nên không giống nhau. Đây tức, theo ý của Đại sư Tuệ Viễn là môn thứ năm: “Gia hộ, thỉnh cầu phân biệt, sai khác”.

- Sớ từ câu: “Như thế thì chư Phật trước đã” tiếp xuống: Là phần thứ hai, thông tỏ vấn nạn về chỗ nối tiếp. Ý nói: “Phật Chủ do chưa đầy đủ về Thân, Miệng, nên nay muốn gồm đủ. Phật bạn đã gồm đủ sao lại có thể gia hộ nữa?” “Lại gia hộ nữa” tức nơi kinh nói: “Mười phương chư Phật thấy cũng như thế, cùng diệu lực từ uy thần của Phật nên thuyết kệ...”

- Sớ từ câu: “Trước chỉ là gia hộ” tiếp xuống: Là phần đáp lại. Đây cũng là “Gia hộ, Thỉnh cầu phân biệt, sai khác”. Đoạn này cũng bao hàm môn thứ nhất của Đại Sư Tuệ Viễn: “Chủ thể gia hộ là Phật có sự khác biệt? Do trước là căn cứ nơi đối tượng được biểu thị, đều là mười phương chư Phật gia hộ cho Bồ tát Kim Cang Tạng. Nay chỉ gọi là mười phương, nên biểu thị cho phương chung. Lại nữa, đức Giá Na cũng tỏa chiếu đến các Bồ tát thuyết pháp trong mười phương, nên biết chư Phật với danh hiệu khác cũng có thể cùng gia hộ.

- Sớ từ câu: “Trên thì diệu lực đầy đủ, dưới thì” tiếp xuống: Là phần hai (của phần ba: Như Lai gia hộ cho sự thỉnh cầu): Giải thích tên gọi, có thể nhận biết.

- Sớ từ câu: “Chẳng luôn dùng miệng” tiếp xuống: Là phần ba,

lựa chọn, phân biệt. Gồm hai chi tiết:

Một: Nói về Tướng của sự gia hộ chẳng đồng.

Hai: Là nói về đối tượng được bao gồm cũng không như nhau.

- Nay nói về chi tiết một gồm ba:

Thứ nhất: Nhắc lại chỗ Tướng khác nhau.

Thứ hai: Từ câu: “Vì chẳng xem thường quả vị tôn quý” tiếp xuống: Là nêu ra lý do.

Thứ ba: Từ câu: “Nên lại thỉnh cầu” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vấn nạn về sự nối tiếp. Tức có vấn nạn: “Nếu tôn trọng quả vị tôn quý thì sao giống như chẳng thỉnh cầu?”.

Đáp: Vì tôn trọng pháp, nên trước là tôn trọng người, còn đây là tôn trọng pháp, là sự thỉnh cầu hết mực tôn quý do vậy pháp được xem trọng.

- Sở từ câu: “Trong phần gia hộ ở trước” tiếp xuống: Là chi tiết hai, phân biệt về đối tượng được bao gồm chẳng đồng. Tức nơi ý của Đại Sư Tuệ Viễn là môn thứ hai: “Đối tượng được gia hộ chẳng như nhau”. Tức trước giới hạn ở người thuyết, đây thì thông suốt cả thuyết và nghe. Cho nên ra lý do, có thể biết.

- Sở từ câu: “Trong văn, tổng cộng có tám nghiệp” tiếp xuống: Là phần bốn, giải thích văn.

- Nói “Sự thể hiện về thân tóm thì nơi văn kinh không có”: Là thân tóm lại là căn cứ nơi tác dụng đã xong, thân tóm lại để quy về Hào quang. Phần sau đã có sự thể hiện khác nên kinh lược bỏ không nói đến. Chỉ cho như “Thân mặt trời” để tạo sự tương xứng. Nhưng Luận giải thích kinh đã cho “Mở rộng ra”, “Thân tóm lại” cùng đối nhau, nên là sự biện minh nghịch chiều. Luận giải thích kinh viết: “Soi chiếu khắp thế giới của chư Phật trong mười phương, không đâu là không sáng tỏ. Soi chiếu xong thì trở lại trụ nơi xứ gốc”. “Trở lại trụ nơi xứ gốc” tức là “Sự thể hiện về thân tóm”. “Sự thể hiện dừng lại” nêu rõ lợi ích của Ánh sáng. Năm là “Thể hiện sự hàng phục” nêu rõ uy lực của Ánh sáng. Sáu là “Thể hiện sự tôn kính” hiển bày chỗ gồm thân lợi ích của Ánh sáng. Tức hiển bày Phật lực khiến đối tượng khác phải tôn kính, tức là gồm thân lợi ích.

- Sở câu: “Khiến đại chúng thấy người thuyết giảng và người nghe đều được Phật gia hộ”: Văn của kinh viết: “Lại soi chiếu đến Phật và đại chúng ở thế giới Sa-bà này cùng chiếu đến thân tướng của Bồ tát Kim Cang Tạng”. Cho nên biết là chung cho cả người thuyết giảng và người nghe.

- Số câu: “Hai là chính thức hiển bày chỗ tạo tác”: Văn nơi Số giải gồm ba phần:

Một: Nêu ra tên gọi.

Hai: Từ câu: “Luận chẳng chỉ rõ” tiếp xuống: Là nêu ra Thể.

Ba: Từ câu: “Nên dùng Thân, Nghiệp cùng đối nhau” tiếp xuống: Là nhận định, phân biệt. Phần này gồm hai:

Một là: Hình thành bốn Luận chứng.

Hai là: Từ câu: “Do Thân căn cứ vào có Thể” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do của bốn sai biệt, vì “Nghiệp căn cứ nơi dụng” như Thân mặt trời chỉ cá thể đứng yên mà tỏa sáng.

Nói “Chẳng phải đúng là đối tượng được bao gồm”: Tức bản ý chẳng vì khiến cùng được thấy, nên không Nghiệp, không Thể. Nay kinh lược bỏ không nói đến.

- Số câu: “Nay nói về phần thứ nhất, thêm nơi ba chữ kia là chung”: Trong phần này văn kinh gồm ba đoạn:

Một: Chỉ có chung.

Hai: Chung cả chung, riêng.

Ba: Chỉ có riêng.

Văn nơi phần Số giải gồm hai:

Một: Định rõ về chung, riêng.

Hai: Giải thích về Tương riêng.

- Một: Định rõ về Chung, Riêng có hai. Thêm nơi ba chữ kia là chỗ chung của hai kệ. “Bậc trên trong thế gian” tức chỗ chung của hai mươi lăm chữ, ngoại trừ chỗ thêm nơi ba chữ kia.

Nói “Do trên tức là thù thắng”: Là lãnh hội kinh hiện tại đồng với chỗ Luận giải thích kinh.

- Số từ câu: “Nói thù thắng” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích về Tương riêng:

Một là: “Tự tại thù thắng”, chẳng bị đối tượng khác làm cho khuất phục. “Đối tượng khác” tức là hai chương.

Hai là: “Diệu lực thù thắng”, tức có thể hàng phục các đối tượng khác.

Ba là: “Quyến thuộc thù thắng”, tức hàng phục giúp là hạng dũng mãnh, tài giỏi hơn người.

Bốn là: “Chủng tánh thù thắng”, tức tộc họ là hàng tôn quý.

- Số câu: “Chẳng nhiệm như hư không”: Hư không có nhiều nghĩa, nay chọn nghĩa “Chẳng nhiệm”. Ở đây bao hàm hai đức, do là hai chương tức là Đoạn đức. “Chủ thể lìa bỏ hai chương” tức là

Trí đức. Cho nên phần sau tóm kết gọi là Đẳng Chánh giác.

Lại nữa, tự tại là lìa phiền não chướng nên Tâm tự tại. Lìa sở tri chướng nên Trí tự tại.

Hỏi: Đoạn trừ Si thì Tuệ sáng tỏ, diệt trừ Ái thì Tâm giải thoát. Cho nên kinh Tịnh Danh có câu: “Chẳng diệt Si, Ái mà vẫn phát khởi sự sáng tỏ và giải thoát”. Nay ở đây vì sao nói trừ Si, trừ Ái đều gọi là Tâm giải thoát?

Đáp: Do chỉ nói phiền não. Trong Sự, soi chiếu về dụng là Tuệ giải thoát. Văn viết: “Lìa sở tri chướng”.

**Giải thích:** Hai là giải thoát có hai nghĩa:

Thứ nhất: Do ở trong giải thoát, Tâm không cấu nhiễm gọi là Tâm giải thoát. Trí soi chiếu về Lý gọi là Tuệ giải thoát. Đó là Tâm giải thoát trừ Ái, Tuệ giải thoát trừ Si.

Thứ hai: Dùng Chân thức để lìa khỏi sự cấu nhiễm của Ái là Tâm giải thoát. Trong sự, soi chiếu về dụng gọi là Tuệ giải thoát.

Tức Tâm giải thoát là cùng lìa khỏi Si, Ái. Tuệ giải thoát là soi chiếu về Sự, rốt ráo, không sót gì cả. Kinh phần nhiều dựa nơi môn trước. Nay Luận chính là ý sau.

- Số từ câu: “Thập Địa trở lại” tiếp xuống: Là giải thích câu “Vô đẳng đẳng” nơi Phật. Nghĩa là vượt hơn so với hàng dưới nên là “Vô đẳng” (không gì hơn). Do bằng với bậc trên nên lập lại chữ đẳng.

- Nói: “Nhằm hiển bày chỗ đẳng chánh giác của Phật đối với Phật”:

Đây là để ngăn chặn việc nêu vấn nạn trở lại. Tức như có vấn nạn: “Vì sao chẳng những chỉ nói “Vô đẳng”, mà còn lập lại “Tê đẳng”?”

Đáp: Do các bậc Hiền Thánh đối chiếu với hàng “dưới địa” đều gọi là “Vô đẳng”, mà lại có bậc trên, vẫn chưa bằng bậc trên. Nay chỉ Phật mới có thể sánh với sự giác ngộ của Phật. Vì cứu cánh nơi chánh giác là như nhau.

- Số câu: “Hai là diệu lực thù thắng”:

Cũng là Trí đức, hầu hết đều căn cứ nơi Quyền trí. Như mười Lực là Thế. Có thể hàng phục Tà trí nơi kẻ oán địch, nên là Dụng. Nhưng Luận giải thích kinh nói mười Lực, Vô úy v.v... gọi chung là diệu lực thù thắng.

Mười Lực là Thế. Vô úy chế ngự các đối tượng bên ngoài. Chữ vân vân là gồm luôn về thân lực dùng để hàng phục Ma. Nay cho câu “Vô lượng đẳng” là thuộc về thù thắng sau: “Quyến thuộc thù thắng”, vì chữ “Vô lượng” là bao quát, nên chỉ đem mười Lực dùng làm “diệu



lực thù thắng” là thuận theo văn. Còn như đem câu “Công đức thù thắng” dùng cho hai chỗ thì đối với Lý cũng không sai. Do đó, nay dùng ý có thể hàng phục hạng tà Trí, tức là chế ngự các đối tượng bên ngoài, câu “Kể oán địch” kia cũng có hai cách dùng:

Một: Hạng Tà Trí tức là oán địch.

Hai: Chữ “oán địch” tức là Thiên Ma.

- Số câu: “Ba là Quyển thuộc thù thắng”: Tức Vô lượng thù thắng.

Nói “Luận giải thích kinh tức ở nơi câu: Đứng đầu của Vô lượng các chúng”: Là Luận giải thích chữ đứng nơi kinh. Đoạn sau của kinh nêu:

*“Chư Phật sánh vô đẳng  
Công đức như hư không  
Mười Lực, vô úy sánh  
Đứng đầu vô lượng chúng  
Pháp họ Thích Ca sinh  
Người, Trời được gia hộ”.*

**Giải thích:** Do đây nên Đại sư Tuệ Viễn cùng với Luận, đều cho hai câu đầu là Tự tại thù thắng. Cụm từ “Như hư không” là dụ riêng cho công đức. Nay thì sao cho chữ “Công đức” ở trong câu thứ hai là thuộc về thù thắng thứ ba, nên câu “Vô lượng công đức thù thắng” là chung cho ba nơi:

Một: Cho công đức thuộc về tự tại thù thắng.

Hai: Do công đức tương đương với thần thông vô úy nên thuộc về diệu lực thù thắng.

Ba: Bao quát cả Vô lượng công đức thù thắng, nên thuộc về Quyển thuộc thù thắng.

Nay phần Sớ giải thuận nơi văn phối hợp riêng nên chỉ cho thuộc về “Quyển thuộc thù thắng”.

Phần tiếp theo Luận viết: “Đứng đầu các chúng” tiếp xuống: Là dẫn Luận để nhắc lại chỗ giải thích, tức văn của kinh hiện tại đồng với câu giải thích của Luận.

